

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của *JPA International*
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 – 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 – 07
3. Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019	08 – 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019	12 – 40



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) (tên giao dịch là: Ben Thanh Services Joint Stock Company) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3127/QĐ-UB ngày 16 tháng 07 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305246978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2007 và đã đăng ký thay đổi lần 15 ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Công ty đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 05 tháng 01 năm 2011 theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN ngày 03 tháng 11 năm 2010 và Thông báo số 1137/TB-SGDHN ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : BSC

Vốn điều lệ : 31.507.470.000 đồng.

Cấu trúc Công ty

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty có

Số lượng công ty con : 1 công ty

Số lượng công ty con được hợp nhất: 1 công ty

Chi tiết: Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Bến Thành Nhất Việt – Công ty con	60,00%	60,00%	60,00%

Số lượng công ty liên doanh: 1 công ty

Chi tiết: Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành- Công ty liên doanh	38,34%	50,00%	50,00%

2. Trụ sở hoạt động

2.1 Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (28) – 3914 0933

Fax : +84 (28) – 3914 0934

Mã số thuế : 0 3 0 5 2 4 6 9 7 8

2.2 Các đơn vị trực thuộc

- Trung tâm Dịch vụ Kho Vận.

Địa chỉ: 504 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh;

- Trung tâm Dịch vụ Bến Thành.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh;

- Trung tâm kinh doanh Nhà hàng và Khách sạn Đakao.

Địa chỉ: 26 Nguyễn Văn Thù, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;

- Nhà hàng Bến Thành.

Địa chỉ: 21-23-25-27 Tôn Thất Hiệp, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề hoạt động

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Cho thuê văn phòng, căn hộ, kho bãi;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Mua bán, sửa chữa, bảo hành đồng hồ, điện thoại, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, thiết bị ngoại vi và linh kiện, hàng kim khí điện máy, hàng điện tử, thiết bị viễn thông;
- Bán lẻ máy vi tính, phần mềm;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện).

4. Hội đồng Quản trị; Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 26/11/2014
Ông Trương Quang Thống	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 22/07/2016
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 17/03/2016
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 18/03/2016
Ông Vũ Đình Thi	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 05/01/2016

4.2 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 11/04/2019
Bà Lại Thị Thanh Phương	Trưởng ban	Từ nhiệm từ ngày 11/04/2019
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 30/03/2018
Ông Tô Phan Trung Thái	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 11/04/2019
Ông Phạm Tuấn Cường	Thành viên	Từ nhiệm từ ngày 11/04/2019

1175
G T Y
EM H U
V V A T
I N V
H H

4.3 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Vũ Đình Thi	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 07/11/2016
Ông Trương Quang Thống	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm từ ngày 26/04/2012
Bà Nguyễn Thị Kim Nga	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2019
Bà Võ Thủy Hạnh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm từ ngày 01/04/2019

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này Bà Nguyễn Thị Hương Giang – Chủ tịch HĐQT.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 40.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính (hợp nhất) hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn (bao gồm công ty mẹ và công ty con) cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019. Trong việc lập các Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

CHỖ CHỮ
U HẠP
U VÀ
IỆT
CHỖ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2019.

TM. Hội đồng Quản trị ✓



NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

Chủ tịch





Số: 2265/19/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ kèm theo của công ty mẹ là Công ty CP Dịch vụ Bến Thành và công ty con là Công ty CP Bến Thành Nhất Việt (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 08 tháng 8 năm 2019, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính (hợp nhất) giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2019.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN số: 1512-2018-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		40.247.221.815	41.305.903.104
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	2.812.095.112	4.186.033.503
111	1. Tiền		2.812.095.112	4.186.033.503
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		31.000.000.000	30.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	31.000.000.000	30.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.908.289.327	4.691.450.305
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	394.343.410	466.895.410
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	175.970.000	69.245.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	4.337.975.917	4.155.309.895
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	63.572.369	354.024.752
141	1. Hàng tồn kho		92.675.505	383.127.888
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(29.103.136)	(29.103.136)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.463.265.007	2.074.394.544
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7	1.023.917.755	1.273.877.078
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		279.238.254	358.062.623
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	160.108.998	442.454.843
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.921.606.251	5.181.896.935
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		215.000.000	215.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	947.566.805	947.566.805
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(732.566.805)	(732.566.805)
220	II. Tài sản cố định		2.859.725.593	3.196.800.118
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	2.859.725.593	3.196.800.118
222	- Nguyên giá		6.673.454.219	6.673.454.219
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.813.728.626)	(3.476.654.101)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.9	-	-
228	- Nguyên giá		97.200.000	97.200.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(97.200.000)	(97.200.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.10	1.675.963.652	1.726.815.536
231	- Nguyên giá		3.799.189.568	3.799.189.568
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.123.225.916)	(2.072.374.032)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	-	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		878.238.342	878.238.342
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(878.238.342)	(878.238.342)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		170.917.006	43.281.281
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	-
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.11	170.917.006	43.281.281
269	3. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		45.168.828.066	46.487.800.039

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.258.629.770	7.703.653.569
310	I. Nợ ngắn hạn		3.385.505.113	3.121.664.870
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	18.916.000	734.467.491
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	177.512.705	69.800.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	234.739.203	246.215.775
314	4. Phải trả người lao động	V.15	409.971.266	1.574.406.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16a	849.032.864	62.756.292
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.17a	1.369.095.428	180.970.958
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.18	326.237.647	253.048.354
330	II. Nợ dài hạn		3.873.124.657	4.581.988.699
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	V.16b	163.079.338	218.622.059
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.17b	3.385.800.000	4.112.970.000
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	VI.11	324.245.319	250.396.640
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		37.910.198.296	38.784.146.470
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.19	37.910.198.296	38.784.146.470
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		31.507.470.000	31.507.470.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		2.910.368.538	2.715.564.845
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.789.752.086	2.682.341.721
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.347.510.235	1.560.487.490
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		442.241.851	1.121.854.231
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	V.20	1.702.607.672	1.878.769.904
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		45.168.828.066	46.487.800.039

312
CỘNG
HỮU
TOÁN
HỮU
S-T

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

HUỲNH THU MAI

NGUYỄN THỊ KIM NGA

NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	12.682.091.016	12.717.908.663
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.682.091.016	12.717.908.663
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	7.934.367.150	7.685.252.749
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.747.723.866	5.032.655.914
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	1.341.746.371	1.273.505.171
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	481.668.104	335.270.684
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết	VI.6	-	(57.135.937)
25	9. Chi phí bán hàng	VI.7	217.613.709	802.782.850
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.8	4.640.550.719	4.590.247.889
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		749.637.705	520.723.725
31	12. Thu nhập khác		1.344	3.639.330
32	13. Chi phí khác	VI.9	325.000.631	800.000
40	14. Lợi nhuận khác		(324.999.287)	2.839.330
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		424.638.418	523.563.055
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	282.345.845	271.569.234
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.10	(53.787.046)	(27.147.914)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		196.079.619	279.141.735
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		442.241.851	523.384.778
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(246.162.232)	(244.243.043)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	125	139
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.12	125	139

ĐVT: VND

Người lập biểu



HUỲNH THU MAI

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ KIM NGA

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2019



NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

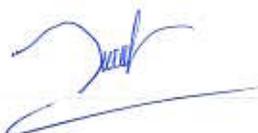
ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		424.638.418	523.563.055
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(953.819.962)	(1.151.873.905)
02	- Khấu hao tài sản cố định		387.926.409	167.313.329
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.341.746.371)	(1.319.187.234)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(529.181.544)	(628.310.850)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		16.695.467	201.256.634
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		290.452.383	(473.315.433)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(2.194.873.046)	1.138.412.662
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		249.959.323	(50.010.368)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(263.536.270)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10.000.000	10.000.000
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(131.614.400)	(133.806.100)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.288.561.817)	(199.309.725)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(2.012.652.879)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		575.138.055	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.341.746.371	1.273.505.171
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		916.884.426	(739.147.708)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.261.000)	(630.149.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.261.000)	(630.149.400)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(1.373.938.391)	(1.568.606.833)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.186.033.503	4.329.947.665
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	2.812.095.112	2.761.340.832

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng


 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

HUỲNH THU MAI

NGUYỄN THỊ KIM NGA

NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành và 01 công ty con (sau đây gọi là "Tập đoàn").

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là dịch vụ, thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Cho thuê văn phòng, căn hộ, kho bãi;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Mua bán, sửa chữa, bảo hành đồng hồ, điện thoại, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, thiết bị ngoại vi và linh kiện, hàng kim khí điện máy, hàng điện tử, thiết bị viễn thông;
- Bán lẻ máy vi tính, phần mềm;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện).

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn: 12 tháng.

1.5 Cấu trúc Công ty

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty có

Số lượng công ty con: 1 công ty

Số lượng công ty con được hợp nhất: 1 công ty

Chi tiết: Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Bến Thành Nhất Việt – Công ty con	60,00%	60,00%	60,00%



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Số lượng công ty liên doanh: 1 công ty

Chi tiết: Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành – Công ty liên doanh	38,34%	50,00%	50,00%

1.6 Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán 06 tháng, Tập đoàn có 38 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 36 nhân viên).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)..

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con. Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và thông tư sửa đổi bổ sung số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20
Máy móc và thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

201
ING
HIỆM
ÁN V
IẢN
P.1

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài

75
TY
HỮU
À TI
VÍ
10

liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và Công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hóa (hàng hóa bao gồm: thiết bị tin học; bia, rượu và nước ngọt các loại...)

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (dịch vụ bao gồm: cho thuê phòng khách sạn, mặt bằng ...)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết.

4.17 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - + Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - + Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4.20 Báo cáo theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (ĐVT: VNĐ)

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Mã số	Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
5.1.1	Tiền mặt	694.801.790	394.221.690
5.1.2	Tiền gửi ngân hàng	2.117.293.322	3.791.811.813
5.1.3	Các khoản tương đương tiền	-	-
Tổng cộng		2.812.095.112	4.186.033.503

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

5.2a Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

STT	Ngân hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	14.000.000.000	14.000.000.000
2	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	12.000.000.000	12.000.000.000
3	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	3.000.000.000	3.000.000.000
4	Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN TP HCM	2.000.000.000	1.000.000.000
Cộng		31.000.000.000	30.000.000.000

5.2b Đầu tư tài chính dài hạn

Chi tiêu	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	575.138.055	(575.138.055)	-	575.138.055	(575.138.055)	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành ⁽¹⁾	575.138.055	(575.138.055)	-	575.138.055	(575.138.055)	-
Đầu tư vào đơn vị khác	878.238.342	(878.238.342)	-	878.238.342	(878.238.342)	-
Công ty Cổ phần Giao dịch Bất động sản Bến Thành – Đức Khải ⁽²⁾	878.238.342	(878.238.342)	-	878.238.342	(878.238.342)	-
Cộng	1.453.376.397	(1.453.376.397)	-	1.453.376.397	(1.453.376.397)	-

⁽¹⁾ Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành, tỷ lệ góp vốn 50,00% vốn điều lệ, tỷ lệ thực góp 38,34% (tương đương 575.138.055 đồng). Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310074516 ngày 21/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp với vốn điều lệ là 1.500.000.000 đồng.

⁽²⁾ Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao dịch Bất động sản Bến Thành – Đức Khải, tỷ lệ góp vốn là 6% vốn điều lệ, tỷ lệ thực góp là 6,3% (tương đương 1.500.000.000 đồng). Công ty Cổ phần Giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bất động sản Bến Thành – Đức Khai hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103013084 ngày 20/04/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp, thay đổi lần thứ 8 ngày 19/07/2013. Giá trị vốn góp tại thời điểm 31/12/2017 là 878.238.342 đồng.

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

- Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành hiện đang hoạt động yếu kém và lỗ lũy kế gần âm vốn chủ sở hữu, hiện Công ty đang có kế hoạch thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành theo biên bản họp Hội đồng Quản trị số 03/2018/BB-HĐQT ngày 23 tháng 07 năm 2018.
- Công ty Cổ phần Giao dịch Bất động sản Bến Thành – Đức Khai hiện chưa hoàn thành thủ tục giải thể.

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành		
Doanh thu dịch vụ	8.000.000	6.000.000
Thu tiền cổ tức các năm trước	47.836.856	47.836.856

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	20.470.000	4.000.000
- Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV	20.470.000	4.000.000
Phải thu của khách hàng khác	373.873.410	462.895.410
- Tổng Công ty Khí Việt Nam- Công ty Cổ phần	38.115.000	24.200.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	34.100.000	50.450.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	26.180.000	5.000.000
- Các đối tượng khác	275.478.410	383.245.410
Cộng	394.343.410	466.895.410

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	175.970.000	69.245.000
- Công ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn Chuẩn Việt	52.250.000	52.250.000
- Công ty TNHH T.A.L	92.400.000	-
- Công ty CP Du Lịch TM & Xây Dựng Trần Châu	30.000.000	-
- Các đối tượng khác	1.320.000	16.995.000
Cộng	175.970.000	69.245.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.5 Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5.5a Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	47.836.856	-	47.836.856	-
Công ty CP Giao nhận Bến Thành	47.836.856	-	47.836.856	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	4.290.139.061		4.107.473.039	
- Đặng Nguyễn Nhật Minh ^(*)	2.569.049.000	-	2.569.049.000	-
- Nguyễn Thị Huỳnh Trang	848.146.000	-	668.329.000	-
- Công ty CP Văn hóa Tổng hợp Bến Thành - đặt cọc thuê nhà	300.000.000	-	300.000.000	-
- Các đối tượng khác	572.944.061	-	570.095.039	-
Cộng	4.337.975.917	-	4.155.309.895	-

^(*) Là khoản chi tạm ứng để thực hiện các thủ tục pháp lý cho các dự án 21-23-27 Tôn Thất Thiệp, quận 1 và dự án khác.

3128
:ÔNG
+ NHIE
TOÁN
UAI
TP.

5.5b Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	190.000.000	-	190.000.000	-
- Tổng Công ty Bến Thành-TNHH MTV (Ký cược, ký quỹ)	190.000.000	-	190.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	757.566.805	(732.566.805)	757.566.805	(732.566.805)
- Dự án TT TM và Căn hộ cao cấp 504 Nguyễn Tất Thành	732.566.805	(732.566.805)	732.566.805	(732.566.805)
- Lê Văn Sang	23.000.000	-	23.000.000	-
- Các đối tượng khác	2.000.000	-	2.000.000	-
Cộng	947.566.805	(732.566.805)	947.566.805	(732.566.805)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.6 Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	41.224.000	-	41.565.000	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	51.451.505	(29.103.136)	341.562.888	(29.103.136)
Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng	92.675.505	(29.103.136)	383.127.888	(29.103.136)

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn

Tình hình biến động:

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Số đầu năm	1.273.877.078	810.106.773
- Tăng trong kỳ	832.505.129	2.010.115.148
- Phân bổ trong kỳ	(1.082.464.452)	(1.508.303.985)
Số cuối kỳ	1.023.917.755	1.311.917.936

Chi tiết số dư:

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí mua sắm công cụ dụng cụ cho khách sạn	993.917.755	-
- Chi phí thuê mặt bằng tại 47 Phan Chu Trinh, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM	-	450.000.000
- Chi phí trước khi thành lập công ty	-	765.496.815
- Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	30.000.000	58.380.263
Cộng	1.023.917.755	1.273.877.078

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	4.521.053.526	55.160.000	1.475.975.693	621.265.000	6.673.454.219
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tăng do mua mới	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	4.521.053.526	55.160.000	1.475.975.693	621.265.000	6.673.454.219
<i>Trong đó:</i>					
<i>Nguyên giá đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.048.326.000	55.160.000	670.575.693	374.090.909	2.148.152.602
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu năm	1.615.509.369	55.160.000	1.190.729.839	615.254.893	3.476.654.101
2. Tăng trong kỳ	280.726.920	-	50.337.498	6.010.107	337.074.525
- Khấu hao trong kỳ	280.726.920	-	50.337.498	6.010.107	337.074.525
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	1.896.236.289	55.160.000	1.241.067.337	621.265.000	3.813.728.626
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	2.905.544.157	-	285.245.854	6.010.107	3.196.800.118
2. Tại ngày cuối kỳ	2.624.817.237	-	234.908.356	-	2.859.725.593

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.9 Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình như sau:

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	97.200.000	97.200.000
2. Tăng trong kỳ	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	97.200.000	97.200.000
II. Giá trị hao mòn		
1. Số dư đầu năm	97.200.000	97.200.000
2. Tăng trong kỳ	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	97.200.000	97.200.000
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	-	-
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-

Trong đó: nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 97.200.000 đồng.

5.10 Bất động sản đầu tư

Chi tiết tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	3.799.189.568	3.799.189.568
2. Tăng trong kỳ	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	3.799.189.568	3.799.189.568
II. Giá trị hao mòn		
1. Số dư đầu năm	2.072.374.032	2.072.374.032
2. Tăng trong kỳ	50.851.884	50.851.884
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	2.123.225.916	2.123.225.916
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	1.726.815.536	1.726.815.536
2. Tại ngày cuối kỳ	1.675.963.652	1.675.963.652

Trong đó: nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 759.789.626 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.11 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ		Số cuối kỳ
	Số đầu năm		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	43.281.281	127.635.725	170.917.006
<i>Chi phí thuế đất và chi phí khác trích trước</i>	<i>43.281.281</i>	<i>127.635.725</i>	<i>170.917.006</i>
Cộng	43.281.281	127.635.725	170.917.006

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả cho bên liên quan</i>	-	<i>110.000.000</i>
Tổng Công ty Bến Thành - TNHH MTV	-	110.000.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>18.916.000</i>	<i>624.467.491</i>
- Công ty TNHH MTV Sản xuất Thiên Vũ	-	238.056.500
- Công ty TNHH TMDV XD Kiến trúc Cảnh quan và trồng cây cảnh Sa Đéc	-	37.700.000
- Các đối tượng khác	18.916.000	348.710.991
Cộng	18.916.000	734.467.491

5.13 Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước ngắn hạn cho bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước ngắn hạn cho các nhà cung cấp khác</i>	<i>177.512.705</i>	<i>69.800.000</i>
- Công ty CP Văn hoá Tổng hợp Bến Thành	115.512.705	-
- Tổng Công ty IDICO - Công ty Cổ Phần	-	9.800.000
- Các đối tượng khác	62.000.000	60.000.000
Cộng	177.512.705	69.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	198.095.739	-	529.308.573	(513.743.674)	213.660.638	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	442.454.843	282.345.845	-	-	160.108.998
Thuế thu nhập cá nhân	48.120.036	-	189.809.604	(202.459.749)	21.078.565	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	246.215.775	442.454.843	1.001.464.022	(716.203.423)	234.739.203	160.108.998

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	424.638.418	523.563.055
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.572.740.610	3.497.216.051
+ Chi phí trích trước	854.585.029	2.855.808.444
+ Thù lao HĐQT và BKS	30.000.000	30.000.000
+ Chi phí không hợp lệ	72.750.000	-
+ Chi phí phạt + truy thu thuế	-	800.000
+ Lỗ từ công ty con	615.405.581	610.607.607
- Các khoản điều chỉnh giảm	(585.649.803)	(2.662.932.937)
+ Hoàn nhập chi phí trích trước	(216.406.406)	(2.304.765.984)
+ Hoàn nhập chi phí dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	(57.135.937)
+ Hoàn nhập chi phí dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào công ty con	(369.243.397)	(358.166.953)
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(187.836.856)
+ Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết	-	57.135.937
Thu nhập chịu thuế	1.411.729.225	1.357.846.169
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	282.345.845	271.569.234
Thuế TNDN hoàn nhập năm trước	-	-
Thuế TNDN truy thu các năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	282.345.845	271.569.234
Các loại thuế khác		
Công ty kê khai và nộp theo qui định.		

5.15 Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	409.971.266	1.574.406.000
Tiền thưởng phải trả	-	-
Cộng	409.971.266	1.574.406.000

Quỹ lương năm 2019 công ty đang tạm trích theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 29 tháng 03 năm 2019. Tổng quỹ lương năm 2019 được phép trích của công ty là 4.200.000.000 (4,2 tỷ đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn/ dài hạn**5.16a Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích truy thu tiền thuê đất 50 Trần Hưng Đạo	663.721.344	-
Chi phí nghỉ mát cho nhân viên	90.000.000	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	95.311.520	62.756.292
Cộng	849.032.864	62.756.292

5.16b Chi phí phải trả dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước tiền thuê đất và thuê đất	160.863.685	216.406.406
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.215.653	2.215.653
Cộng	163.079.338	218.622.059

5.17 Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**5.17a Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>1.369.095.428</i>	<i>180.970.958</i>
- Cổ tức còn phải trả	970.111.967	-
- Công ty TNHH TM&DV Vi Biển – AKURUHI	156.166.310	-
- Các đối tượng khác	242.817.151	180.970.958
Cộng	1.369.095.428	180.970.958

5.17b Phải trả dài hạn khác

Chủ yếu là khoản tiền đặt cọc cho thuê mặt bằng.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>3.385.800.000</i>	<i>4.112.970.000</i>
- Công ty CP TM Nguyễn Kim	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công ty TNHH TM&DV Vi Biển - Akuruhi	576.000.000	576.000.000
- Phạm Thị Diễm Phương	500.000.000	500.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ VISACOOOP	320.000.000	320.000.000
- Các đối tượng khác	989.800.000	1.716.970.000
Cộng	3.385.800.000	4.112.970.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	182.369.898	97.401.846	10.000.000	(100.000.000)	189.771.744
Quỹ phúc lợi	70.678.456	97.401.847	-	(31.614.400)	136.465.903
Cộng	253.048.354	194.803.693	10.000.000	(131.614.400)	326.237.647

5.19 Vốn chủ sở hữu

5.19a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

CHỖ
CHỮ
HỌ
TÊN
U
V
A
I
T
H
A
N
H

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018					
Tại ngày 01/01/2018	31.507.470.000	2.562.312.219	2.497.142.143	734.000.000	37.300.924.362
Tăng trong kỳ	-	153.252.626	523.384.778	1.021.756.957	1.698.394.361
- Tăng từ lợi nhuận	-	153.252.626	523.384.778	(244.243.043)	432.394.361
- Thu tiền góp vốn của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	1.266.000.000	1.266.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	(941.344.493)	-	(941.344.493)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	(153.252.626)	-	164.529.381
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(153.252.627)	-	280.360.000
- Trích cổ tức phải trả	-	-	(630.149.400)	-	(630.149.400)
- Giảm khác	-	-	(4.689.840)	-	(4.689.840)
Tại ngày 30/06/2018	31.507.470.000	2.715.564.845	2.079.182.428	1.755.756.957	38.057.974.230
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019					
Tại ngày 01/01/2019	31.507.470.000	2.715.564.845	2.682.341.721	1.878.769.904	38.784.146.470
Tăng trong kỳ	-	194.803.693	442.241.851	(176.162.232)	460.883.312
- Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này	-	194.803.693	442.241.851	(246.162.232)	390.883.312
- Thu tiền góp vốn của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	70.000.000	70.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	(1.334.831.486)	-	(1.334.831.486)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	(194.803.693)	-	(194.803.693)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(194.803.693)	-	(194.803.693)
- Trích cổ tức phải trả	-	-	(945.224.100)	-	(945.224.100)
Số dư cuối kỳ	31.507.470.000	2.910.368.538	1.789.752.086	1.702.607.672	37.910.198.296

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.19b Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Cổ đông Nhà Nước	47,11	14.844.200.000	14.844.200.000
- Cổ đông khác	52,89	16.663.270.000	16.663.270.000
Cộng	100,00	31.507.470.000	31.507.470.000

5.19c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	31.507.470.000	31.507.470.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	31.507.470.000	31.507.470.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(945.224.100)	(630.149.400)

5.19d Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.150.747	3.150.747
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.150.747	3.150.747
- Cổ phiếu phổ thông	3.150.747	3.150.747
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.150.747	3.150.747
- Cổ phiếu phổ thông	3.150.747	3.150.747
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

5.19e. Các quỹ của doanh nghiệp**Quỹ đầu tư phát triển:**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BÊN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.19f Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 ngày 29 tháng 03 năm 2019 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	(945.224.100)
• Trích quỹ đầu tư phát triển	(194.803.693)
• Trích quỹ khen thưởng	(97.401.846)
• Trích quỹ phúc lợi	(97.401.847)

5.20 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Số đầu năm	1.878.769.904	734.000.000
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(246.162.232)	(244.243.043)
Thu tiền góp vốn của cổ đông không kiểm soát	70.000.000	1.266.000.000
Số cuối kỳ	1.702.607.672	1.755.756.957

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) (ĐVT: VND)**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chi tiết gồm:	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Doanh thu bán hàng hóa	2.177.151.392	1.436.623.487
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.878.757.808	10.731.285.180
- Doanh thu cho thuê bất động sản	626.181.816	549.999.996
Cộng	12.682.091.016	12.717.908.663

6.2 Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.659.664.940	1.310.397.341
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.223.850.326	6.324.003.524
- Giá vốn của bất động sản cho thuê	50.851.884	50.851.884
Cộng	7.934.367.150	7.685.252.749

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Lãi tiền gửi ngân hàng	911.746.371	1.051.505.171
- Phân chia lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	430.000.000	222.000.000
- Cổ tức được chia	-	-
Cộng	1.341.746.371	1.273.505.171

6.4 Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Chi phí mặt bằng liên quan đến hợp tác kinh doanh	481.668.104	327.834.888
- Chi phí tài chính khác	-	7.435.796
Cộng	481.668.104	335.270.684

6.5 Phần lãi/ lỗ trong công ty liên doanh liên kết

Chi tiết gồm:	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành	-	(57.135.937)
Cộng	-	(57.135.937)

Tính đến thời điểm này, Công ty chưa có báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành.

6.6 Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Chi phí nhân viên bán hàng ^(*)	-	409.200.000
- Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	-	4.935.430
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.053.182	134.676.340
- Các chi phí bằng tiền khác	109.560.527	253.971.080
Cộng	217.613.709	802.782.850

^(*) Từ tháng 7 năm 2018 Công ty đã ngừng kinh doanh thiết bị tin học, camera ... nên không còn bộ phận bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Chi phí nhân viên quản lý	1.921.340.224	1.645.641.568
- Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	128.781.864	97.167.538
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.735.777	74.418.876
- Thuế, phí và lệ phí	107.115.240	75.924.800
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.098.946.237	887.737.564
- Các chi phí bằng tiền khác	1.320.631.377	1.809.357.543
Cộng	4.640.550.719	4.590.247.889

6.8 Chi phí khác

Chi tiết gồm:	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Chi phí bồi thường do thanh lý hợp đồng trước hạn	325.000.000	-
- Các khoản truy thu thuế và phạt vi phạm	-	800.000
- Chi phí khác	631	-
Cộng	325.000.631	800.000

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi tiết gồm:	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	43.281.281	460.953.197
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(170.917.006)	(571.161.689)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	73.848.679	83.060.578
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:	(53.787.046)	(27.147.914)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	442.241.851	523.384.778
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
+ <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	(49.151.824)	(85.634.649)
- Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	393.090.021	437.750.129
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (Cổ phiếu)	3.150.747	3.150.747
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/Cổ phiếu)	125	139

(*) Là Quỹ khen thưởng năm nay tạm trích theo tỷ lệ thực trích của năm trước và sẽ điều chỉnh khi có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6.11 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	442.241.851	523.384.778
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
+ <i>Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi</i>	-	-
+ <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi</i>	-	-
+ <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	(49.151.824)	(85.634.649)
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	393.090.021	437.750.129
- Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.150.747	3.150.747
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đ/Cổ phiếu)	125	139

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.150.747	3.150.747
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:	-	-
+ Trái phiếu chuyển đổi	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện	-	-
+ Hợp đồng được thanh toán bằng cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.150.747	3.150.747

6.12 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	932.726.488	695.316.375
- Chi phí nhân công	2.491.010.009	2.518.410.883
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	387.926.409	167.313.329
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.784.161.623	2.844.154.464
- Các chi phí bằng tiền khác	1.988.336.229	2.237.305.416
Cộng	8.584.160.758	8.462.500.467

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****7.1a Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Chi tiết gồm:	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Tiền lương, thưởng	586.651.919	673.350.000
- Thù lao	96.000.000	96.000.000
Cộng	682.651.919	769.350.000

7.1b Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ góp vốn
Tổng Công Bến Thành TNHH MTV	Chủ sở hữu	47,11%
Công ty Cổ phần Bến Thành Nhất Việt	Công ty con	60,00%
Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành	Công ty liên kết	50,00%

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng Công Bến Thành TNHH MTV		
- Doanh thu bán hoa tươi	122.422.730	140.161.799

Chi tiết số dư công nợ:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công Bến Thành TNHH MTV		
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	20.470.000	-
- Phải thu dài hạn khác	190.000.000	190.000.000
- Phải trả người bán ngắn hạn	-	110.000.000

7.2 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh hàng hoá
- Kinh doanh dịch vụ
- Kinh doanh cho thuê bất động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Kinh doanh hàng hoá	Kinh doanh dịch vụ	Kinh doanh cho thuê bất động sản	Cộng
6 tháng đầu năm 2019				
Doanh thu thuần	2.177.151.392	9.878.757.808	626.181.816	12.682.091.016
Giá vốn hàng bán	1.659.664.940	6.223.850.326	50.851.884	7.934.367.150
<i>Lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>517.486.452</i>	<i>3.654.907.482</i>	<i>575.329.932</i>	<i>4.747.723.866</i>
6 tháng đầu năm 2018				
Doanh thu thuần	1.436.623.487	10.731.285.180	549.999.996	12.717.908.663
Giá vốn hàng bán	1.310.397.341	6.324.003.524	50.851.884	7.685.252.749
<i>Lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>126.226.146</i>	<i>4.407.281.656</i>	<i>499.148.112</i>	<i>5.032.655.914</i>

Khu vực địa lý

Tất các sản phẩm và dịch vụ của Công ty được tiêu thụ và cung cấp tại Việt Nam.

7.3 Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tập đoàn không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Tập đoàn và kết quả kinh doanh của Tập đoàn trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2019.

Người lập biểu


HUỖNH THU MAI

Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ KIM NGA**NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG**